

(Kèm theo Thông báo số 443/TB-TTPTQĐ ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên	Mã Tài sản	Diện tích (m2)		Giá niêm yết (đồng/m2/năm)	Diện tích nhà cho thuê (m2)	Giá thuê/năm	Thời hạn cho thuê (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước	Thời gian địa điểm nộp phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian địa điểm tổ chức xác định người được thuê nhà	Ghi chú
			Đất	Sàn sử dụng nhà									
1	Thuế cơ sở 1 thuộc Thuế tỉnh Cao Bằng. Đ/c: phố Cao Bình, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng	TTPTQĐ 12	146,6	135,0		135,0	23.200.553	5	Thương mại dịch vụ	5.800.138	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt I, II, IV (Giá niêm yết giảm 5% lần I)
	Nhà làm việc			135,0	171.856	135,0	23.200.553						
2	Trụ sở làm việc của Phòng tài nguyên và môi trường huyện Hòa An (cũ). Đ/c: Phố Hoàng Bó, xã Hoà An, tỉnh Cao Bằng	TTPTQĐ 24	337,3	215,7		215,7	23.493.983	5	Thương mại dịch vụ	5.873.496	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt IV (Giá niêm yết giảm 5% lần I)
	Nhà làm việc			180,7	118.647	180,7	21.439.557						
	Nhà để xe			35	58.698	35,0	2.054.426						
3	Trường Mầm non Sông Hiến (Nhà trẻ mẫu giáo 5 cũ). Đ/c: Phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng	TTPTQĐ 25	524,4	117,0		117,0	46.475.557	5	Thương mại dịch vụ	11.618.889	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt IV (Giá niêm yết giảm 5% lần I)
	Nhà làm việc			117,0	397.125	117,0	46.475.557						
4	Trụ sở Kho bạc Nhà nước Thông Nông (cũ). Đ/c: Xóm Bản Viêng, xã Thông Nông, tỉnh CB	TTPTQĐ 27	602,5	465,8		465,8	25.055.997	5	Thương mại dịch vụ	6.263.999	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt IV (Giá niêm yết giảm 5% lần I)
	Nhà làm việc			360,0	59.575	360,0	21.446.964						
	Nhà bảo vệ			36,0	34.060	36,0	1.226.172						
	Nhà để xe ô tô			65,0	34.226	65,0	2.224.702						
	Nhà vệ sinh			4,8	32.950	4,8	158.160						
5	Kho thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Đ/c: Xóm Hồng Quang 2, P. Thục Phán, T.CB	TTPTQĐ 28	30,0	30,0		30,0	1.391.062	5	Thương mại dịch vụ	347.766	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt IV (Giá niêm yết giảm 5% lần I)
	Kho			30,0	46.369	30,0	1.391.062						
6	Trụ sở Trạm y tế cũ xã Chí Tháo. Đ/c: Xóm Yên Lạc, xã Chí Tháo, huyện Quảng Hoà cũ - Xóm Yên Lạc, xã Quảng Uyên	TTPTQĐ 29	177,2	110,0		110,0	3.415.674	5	Thương mại dịch vụ	853.918	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt IV (Giá niêm yết giảm 5% lần I)
	Nhà làm việc			110,0	31.052	110,0	3.415.674						
7	Trung tâm Y tế dự phòng (cũ). Đ/c: TDP 12 Hợp Giang, Phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng	TTPTQĐ 16	678,7	1.491,6		1.491,6	227.002.319	3	Thương mại dịch vụ	34.050.348	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt II, III, IV (Giá niêm yết giảm 5% lần III)
	Ngôi nhà số 1			798,5	153.262	798,5	122.380.031						
	Ngôi nhà số 2			171,0	150.230	171,0	25.689.406						
	Ngôi nhà số 3			374,8	150.566	374,8	56.431.961						

STT	Tên	Mã Tài sản	Diện tích (m2)		Giá niêm yết (đồng/m2/năm)	Diện tích nhà cho thuê (m2)	Giá thuê/năm	Thời hạn cho thuê (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước	Thời gian địa điểm nộp phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian địa điểm tổ chức xác định người được thuê nhà	Ghi chú
			Đất	Sàn sử dụng nhà									
	Ngôi nhà số 4			147,3	152.756	147,3	22.500.920						
8	Ban chỉ huy quân sự thành phố vị trí cũ. Đ/c: TDP 12 Hợp Giang, Phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng	TTPTQĐ 17	1.299,0 0	884,8		884,8	435.083.261	3	Thương mại dịch vụ	65.262.489	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt II, III, IV (Giá niêm yết giảm 5% lần III)
	Nhà trực ban (Nhà S1) cấp IV			16,0	479.141	16,0	7.666.261						
	Nhà TT chỉ huy (Nhà S2)			504,0	496.794	504,0	250.384.281						
	Nhà ban HC-KT cấp III			96,0	483.686	96,0	46.433.886						
	Nhà Đa năng (Nhà S4)			144,0	488.885	144,0	70.399.452						
	Kho quân khí (Nhà K1)			67,2	480.947	67,2	32.319.663						
	Nhà xe mô tô (Nhà P1) cấp IV			48,0	485.398	48,0	23.299.091						
	Nhà xe ô tô (Nhà P2)			9,6	477.149	9,6	4.580.628						

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Thông báo số 443/TB-TTPTQĐ ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên	Mã Tài sản	Diện tích (m2)		Giá sàn cho thuê (đồng/m2/năm)	Diện tích nhà cho thuê (m2)	Giá thuê/năm	Thời hạn cho thuê (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước	Thời gian địa điểm nộp phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian địa điểm tổ chức xác định người được thuê nhà	Ghi chú
			Đất	Sàn sử dụng nhà									
1	Trụ sở làm việc của phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Hòa An (cũ). Đ/c: Phố Hoàng Bó, xã Hoà An, tỉnh Cao Bằng	TTPTQĐ 30	795,6	695,4		695,4	109.987.317	5	Thương mại dịch vụ	27.496.829	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt IV (Giá sàn giảm 5% lần I)
	Nhà làm việc			624,3	171.475	624,3	107.052.143						
	Nhà vệ sinh			4,48	41.238	4,5	184.745						
	Gara để xe			66,6	41.298	66,6	2.750.429						
2	Phòng tài chính - kế hoạch huyện Hà Quảng (huyện Thông Nông cũ). Đ/c: Xóm Bản Viêng, xã Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	TTPTQĐ 32	621,4	360,5		360,5	56.497.199	5	Thương mại dịch vụ	14.124.300	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt IV (Giá sàn giảm 5% lần I)
	Nhà làm việc			337,0	163.733	337,0	55.177.905						
	Nhà công vụ			23,5	56.140	23,5	1.319.294						
3	Trạm Y tế xã Hoà An. Đ/c: Xóm 9 Bể triều, xã Hoà An, tỉnh Cao Bằng	TTPTQĐ 33	622,1	405,4		405,4	67.908.051	5	Thương mại dịch vụ	16.977.013	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt IV (Giá sàn giảm 5% lần I)
	Nhà hành chính + nhà điều trị			357,2	187.269	357,2	66.892.453						
	Nhà bếp			12,3	24.372	12,3	298.556						
	Nhà để xe			36,0	19.918	36,0	717.042						
4	Trụ sở làm việc cũ của Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cán bộ tỉnh CB. Đ/c: Số 083, đường Vườn Cam, phường Thục Phán, T.CB	TTPTQĐ 34	127,5	127,5		127,5	70.563.696	5	Thương mại dịch vụ	17.640.924	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt IV (Giá sàn giảm 5% lần I)
	Nhà làm việc			127,5	553.441	127,5	70.563.696						
5	Trụ sở làm việc cũ của Hội Đông Y và Hội chữ thập đỏ. Đ/c: Số 023, phố cũ, P. Thục Phán, tỉnh Cao Bằng	TTPTQĐ 35	388,0	720,0		720,0	187.800.311	5	Thương mại dịch vụ	46.950.078	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt IV (Giá sàn giảm 5% lần I)
	Nhà làm việc			720,0	260.834	720,0	187.800.311						
6	UBND phường Sông Hiến (Hội nạn nhân chất độc da cam diôxin cũ). Đ/c: Phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng	TTPTQĐ 36	241,4	99,0		99,0	66.102.097	5	Thương mại dịch vụ	16.525.524	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt IV (Giá sàn giảm 5% lần I)
	Nhà số 1			65,0	683.380	65,0	44.419.691						
	Nhà số 2			34,0	637.718	34,0	21.682.407						

STT	Tên	Mã Tài sản	Diện tích (m2)		Giá sàn cho thuê (đồng/m2/năm)	Diện tích nhà cho thuê (m2)	Giá thuê/năm	Thời hạn cho thuê (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước	Thời gian địa điểm nộp phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian địa điểm tổ chức xác định người được thuê nhà	Ghi chú
			Đất	Sàn sử dụng nhà									
7	Hải quan cửa khẩu quốc tế Trà Lĩnh thuộc CC Hải quan KV XVI. Đ/c: Xã Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng	TTPTQĐ 37	2.318,20	1.613,3		1.613,3	158.259.977	5	Thương mại dịch vụ	39.564.994	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt IV (Giá sàn giảm 5% lần I)
	Nhà làm việc			516,4	87.996	516,4	45.441.057						
	Nhà bếp (xây thêm)			21,0	85.556	21,0	1.796.669						
	Chuồng chính chó nghiệp vụ			8,0	70.066	8,0	560.527						
	Chuồng cách ly chó nghiệp vụ (xây mới)			16,0	67.748	16,0	1.083.970						
	Nhà kho tạm giữ phương tiện			214,0	77.884	214,0	16.667.122						
	Nhà bếp, nhà ăn Trà Lĩnh			88,0	62.911	88,0	5.536.146						
	Nhà ở CBCC			359,89	83.027	359,9	29.880.736						
	Nhà ở CBCC			390,0	146.907	390,0	57.293.751						
8	Hải quan cửa khẩu Lý Vọng thuộc CC HQ KV XVI. Đ/c: Xã Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	TTPTQĐ 38	6.074,40	1.480,7		1.480,7	259.873.022	5	Thương mại dịch vụ	64.968.256	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt IV (Giá sàn giảm 5% lần I)
	Nhà làm việc			829,1	228.844	829,1	189.734.281						
	Nhà công vụ, bếp ăn, gara			471,7	123.232	471,7	58.128.312						
	Nhà bảo vệ			15,0	33.918	15,0	508.773						
	Nhà kho lưu trữ, tạm giữ			143,6	76.082	143,6	10.925.418						
	Nhà đặt bom PCCC			6,3	28.882	6,3	180.513						
	Nhà để máy phát điện			15,0	26.382	15,0	395.725						
9	CC Thuế huyện Nguyên Bình, Cục Thuế tỉnh Cao Bằng. Đ/c: Tổ 4, thị trấn Nguyên Bình, Xã Nguyên Bình, tỉnh CB)	TTPTQĐ 39	964,0	2.007,6		2.007,6	645.899.380	5	Thương mại dịch vụ	161.474.845	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 28/09/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt IV (Giá sàn giảm 5% lần I)
	Nhà làm việc			1.994,0	323.800	1.994,0	645.656.949						
	Nhà bảo vệ			13,6	17.826	13,6	242.431						
10	CC Thuế huyện Hạ Lang, Cục Thuế tỉnh CB. Đ/c: Xã Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	TTPTQĐ 40	1.750,5	1.744,8		1.744,8	697.534.688	5	Thương mại dịch vụ	174.383.672	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 21/09/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 27/09/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt IV (Giá sàn giảm 5% lần I)
	Nhà làm việc			1.422,0	464.713	1.422,0	660.822.394						
	Nhà bảo vệ			10,2	48.430	10,2	493.986						
	Nhà phụ trợ			237,6	137.707	237,6	32.719.282						
	Nhà để xe			52,3	43.367	52,3	2.268.071						
	Nhà trạm bơm, nhà để máy phát điện dự phòng			22,7	54.227	22,7	1.230.955						
	CC thuế huyện Hà Quảng, cục thuế Tỉnh Cao Bằng. Đ/c: xã Trường Hà, tỉnh CB			1.885,30		1.885,3	694.141.570				Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút,	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở	Đã thực hiện

STT	Tên	Mã Tài sản	Diện tích (m2)		Giá sản cho thuê (đồng/m2/năm)	Diện tích nhà cho thuê (m2)	Giá thuê/năm	Thời hạn cho thuê (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước	Thời gian địa điểm nộp phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian địa điểm tổ chức xác định người được thuê nhà	Ghi chú
			Đất	Sàn sử dụng nhà									
11	Nhà làm việc	TTPTQĐ 41	2.335,00	1.602,90	413.604	1.602,9	662.965.895	5	Thương mại dịch vụ	173.535.392	ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	mở, xét duyệt hồ sơ đợt IV (Giá sàn giảm 5% lần I)
	Nhà phụ trợ			218,00	130.363	218,0	28.419.069						
	Nhà để xe 2 bánh			36,00	40.541	36,0	1.459.467						
	Nhà thường trực bảo vệ			10,40	44.474	10,4	462.531						
	Nhà trạm bơm, để máy phát điện tự động			18,00	46.367	18,0	834.608						
12	Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoà An (cũ). Đ/c: Xóm Hoằng Bó, xã Hoà An, tỉnh Cao Bằng	TTPTQĐ 02	1,301.0	576,0		576,0	93.350.648	5	Thương mại dịch vụ	23.337.662	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt I, II, IV (Giá sàn giảm 5% lần I)
	Nhà 2 tầng			423,0	186.644	423,00	78.950.593						
	Nhà 1 tầng			123,0	97.165	123,00	11.951.335						
	Nhà để xe			30,0	81.624	30,00	2.448.720						
13	Trung tâm DV đầu giá tài sản. Địa chỉ: TDP Hợp Giang 3, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng	TTPTQĐ 03	209.70	144,7		144,7	166.858.025	5	Thương mại dịch vụ	41.714.506	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt I, II, IV (Giá sàn giảm 5% lần I)
	Nhà làm việc			144,7	1.153.131	144,70	166.858.025						
14	Trung tâm Y tế thành phố Cao Bằng (cũ) tại TDP 3 Hợp Giang, P. Thục Phán, T.CB	TTPTQĐ 08	329,4	294,4		294,4	93.069.315	5	Thương mại dịch vụ	23.267.329	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt I, II, IV (Giá sàn giảm 5% lần I)
	Nhà làm việc 1			110,0	333.381	110,00	36.671.901						
	Nhà làm việc 2			82,8	316.729	82,80	26.225.177						
	Nhà làm việc 3			92,8	297.351	92,80	27.594.194						
	Nhà vệ sinh			8,8	292.959	8,80	2.578.043						
15	Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cao Bằng (cũ). Đ/c: Số 94 phố Bể Văn Đàn, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng	TTPTQĐ 09	300.0	454,0		454,0	91.791.279	5	Thương mại dịch vụ	22.947.820	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt I, II, IV (Giá sàn giảm 5% lần I)
	Nhà làm việc 3 tầng			422,0	204.229	422,00	86.184.813						
	Nhà lưu trú công vụ			32,0	175.202	32,00	5.606.466						
16	Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Hòa An (cũ). Đ/c: xóm Hoằng Bó, xã Hoà An, tỉnh Cao Bằng	TTPTQĐ 10	1.072,2	1.005,8		1.005,8	85.856.703	5	Thương mại dịch vụ	21.464.176	Bắt đầu từ: 07 giờ 00 phút, ngày 01/10/2026. Đến hết 17 giờ 00 phút ngày 07/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng	Ngày 08/10/2026 tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cao Bằng. (Thời gian cụ thể theo Giấy mời của TT)	Đã thực hiện mở, xét duyệt hồ sơ đợt I, II, IV (Giá sàn giảm 5% lần I)
	Nhà làm việc			157,92	52.437	157,92	8.280.878						
	Nhà làm việc			576,26	115.420	576,26	66.511.824						
	Nhà Bếp			11,5	41.303	11,50	474.985						
	Nhà bảo vệ			14,7	42.183	14,70	620.089						
	Nhà để xe			56,9	40.001	56,90	2.276.036						
	Nhà thể thao			188,49	40.813	188,49	7.692.891						